

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2023 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ công văn số 653/KHXH-KHTC ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023 theo quý, 6 tháng, năm,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2023 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Kế toán trưởng và các phòng, ban liên quan thuộc Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Viện HLKHXHVN;
- Các phòng, ban Viện NCGD&G;
- Lưu VT, KT.



Nguyễn Đình Tuấn

Đơn vị: Viện nghiên cứu Gia đình và Giới
Chương: 045



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 25./QĐ-GĐ&G ngày 11./04/2023 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới)

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
				
2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
				
3	Thu bán tạp chí	17			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự				



	chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi từ nguồn bán tạp chí	17			
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
				
2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.218.219	780,198		
I	Nguồn ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.218.219	780,198		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			100	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			100	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			100	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			100	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	147,013	11,678	100	101,1
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.994	768,519	100	105,8
2.4	Kinh phí tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	77,206		100	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số				

	và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và				

	công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				

3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				



Ngày 11 tháng 04 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Đình Tuấn

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ I NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Quyết định số 2140/QĐ-KHXH ngày 30/12/2022 của Viện HLKHXHVN về việc giao dự toán NSNN năm 2023.

1	Kinh phí năm 2022 chuyển sang	224.219.163
2	Kinh phí tạm giao năm 2023 (theo QĐ số 2140/QĐ-KHXH ngày 30/12/2022)	2.994.000.000
3	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2023 (3=1+2)	3.218.219.163
4	Kinh phí đã sử dụng quý I/2023	780.198.339
<i>Trong đó</i>		
	<i>Chi từ nguồn 12 (Lương, BHXH, KPCĐ, thuê lao động...)</i>	768.519.806
	<i>Chi từ nguồn 13 (Tiền điện thoại, internet...). Kinh phí năm 2022 chuyển sang</i>	11.678.533
5	Kinh phí còn lại (5= 3-4)	2.438.020.824

Số kinh phí còn lại sẽ tiếp tục sử dụng trong thời gian tới cho các hoạt động của đơn vị.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Đình Tuấn